TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2017/ST-HNGĐ
Ngày 22/8/2017
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Minh Tân
2. Ông Trần Minh Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Ông Văn Hữu Tuấn;

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2017/ TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Hồng L, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện TB, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1971 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TS, xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, nguyên đơn – chị Hồ Hồng L bày:

Chị xây dựng hôn nhân với anh Đỗ Văn Q năm 1999, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới theo truyền thống. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Trầm M, sinh năm 2000, hiện đang ở với chị. Vợ chồng chị có cùng nhau đóng góp tạo lập được 01 phần đất và căn nhà (kết cấu cây gỗ địa phương, mái, và vách thiết) trên đất tọa lạc ấp Ấp T, xã H, huyện TB, tỉnh Cà Mau hiện nay do chị và con đang sử dụng, phần đất do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài ra không có tài sản chung nào khác. Anh chị không có nợ ai. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Q, nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn, lo cho gia đình, thường xuyên đánh đập chị nên chị không thể chung sống với nhau, thực tế đã ly thân 7 năm nay.

Về con chung: chị yêu cầu nuôi con là cháu Đổ Trầm M, sinh năm 2000, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn- anh Đỗ Văn Q trình bày tại bản tự khai: anh Q thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng. Anh chị không nợ ai. Nay anh đồng ý ly hôn với chị L, đồng ý cho chị L nuôi con, tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Xét thấy: Về tố tụng, anh Q vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Hồng L và anh Đỗ Văn Q xây dựng hôn nhân từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức hôn lễ theo truyền thống. Chị L cho rằng tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: chị L yêu cầu nuôi con là cháu Đổ Trầm M, sinh năm 2000, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nợ chung, tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1/ Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Hồng L thấy rằng: chị L và anh Q xây dựng hôn nhân từ năm 1999, có tổ chức hôn lễ theo truyền thống nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị L và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 là có thật. Tuy nhiên, từ khi chung sống đến nay, chị L và anh Q không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận nên không công nhận chị L và anh Q là vợ chồng.

2/ Về con chung: Chị L có yêu cầu nuôi con là cháu Đổ Trầm M, sinh năm 2000, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: chị L yêu cầu nuôi cháu M là phù hợp với nguyện vọng của cháu M và anh Q cũng thống nhất thỏa thuận giao cho chị L tiếp tục nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con, anh Q có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: anh Q và chị L xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

4/ Án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời yêu cầu áp dụng: Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình: Không công nhận chị Hồ Hồng L và anh Đỗ Văn Q là vợ chồng. Chị Liễu phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định.

Từ những nhận định trên thì đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Hồng L và anh Đỗ Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu cháu Đỗ Trầm M, sinh năm 2000 cho chị Hồ Hồng L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đỗ Văn Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Hồ Hồng L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị L đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003541 ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, được chuyển thu án phí.

An xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

LỮ VĂN TUẤN